

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH TẬP LUYỆN VỚI MÔN THỂ THAO MỚI NỔI TẠI VIỆT NAM: MỘT NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI BỘ MÔN PICKLEBALL

• MAI VĂN CHƯƠNG

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

Email: mvchuong@hcmunre.edu.vn

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tập luyện môn Pickleball tại Việt Nam. Dựa trên nền tảng lý thuyết của Thuyết Hành vi dự định (TPB) và các khung lý thuyết liên quan, nghiên cứu áp dụng phương pháp định lượng và sử dụng phần mềm SPSS để phân tích tác động của các yếu tố. Dữ liệu được thu thập từ 265 người tham gia đã từng tập luyện Pickleball, trong khoảng thời gian từ 14/01 đến 28/02/2026. Phân tích đã xác định được 3 yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định tập luyện Pickleball của người dân Việt Nam, bao gồm: (1) Thái độ đối với hành vi, (2) Chuẩn mực chủ quan, và (3) Cảm nhận về sự kiểm soát hành vi. Từ các kết quả này, nghiên cứu đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm tăng cường sự tham gia và thúc đẩy phát triển môn Pickleball tại Việt Nam, cải thiện sức khỏe cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua thể thao.

Key words: Pickleball, ý định tập luyện thể thao, thể thao, quyết định mua hàng.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động thể dục thể thao tại Việt Nam đang ngày càng phổ biến và được coi là một phần không thể thiếu trong lối sống của người dân. Khảo sát về hành vi tập luyện thể thao của Q&Me cho thấy, 85% người tham gia ưu tiên các hoạt động thể dục như đi bộ, chạy bộ và đạp xe (Q&Me, 2021). Các môn thể thao phổ biến khác bao gồm bóng đá, cầu lông và bóng chuyền, cùng các môn võ thuật như: Taekwondo, Karate và Boxing. Theo báo cáo của Statista (2021), 44% dân số Việt Nam tham gia các

hoạt động thể thao một cách định kỳ, và 19% tham gia không thường xuyên, cho thấy sự nhận thức cao về tầm quan trọng của sức khỏe và lợi ích từ việc tập luyện thể thao. Việt Nam cũng đang nỗ lực trong việc khuyến khích người dân tham gia thể thao bằng cách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thể thao và cải thiện chất lượng các sân vận động và trung tâm huấn luyện (Q&Me, 2021).

Trong những năm gần đây, sự phát triển của các môn thể thao mới tại Việt Nam, đặc biệt là môn Pickleball, đã thu hút sự chú ý đáng kể từ cộng đồng

thể thao và các nhà nghiên cứu. Môn thể thao này, kết hợp các yếu tố của tennis, bóng bàn và cầu lông, đã nhanh chóng phát triển thành một hoạt động giải trí phổ biến cho mọi lứa tuổi. Theo một báo cáo từ Vietnam News, Việt Nam đã đăng cai tổ chức các giải đấu Pickleball quốc tế, thu hút sự quan tâm lớn từ cả cộng đồng quốc tế và trong nước (Vietnam News, 2023). Tuy nhiên, nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia luyện tập các môn thể thao mới như Pickleball vẫn còn hạn chế.

Nghiên cứu này nhằm mục đích phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tập luyện Pickleball tại Việt Nam. Lý thuyết Hành vi dự định (TPB) được áp dụng để hiểu rõ hơn về thái độ, quy định xã hội, và cảm nhận sự kiểm soát hành vi, những yếu tố này đã được chứng minh là có ảnh hưởng đến hành vi tham gia vào các hoạt động thể thao (Ajzen, 1991). Đặc biệt, nghiên cứu sẽ xem xét các yếu tố như nhận thức về sức khỏe, tác động xã hội, cơ sở vật chất, và các chương trình quảng bá, để hiểu rõ hơn về những động lực và rào cản trong quá trình tiếp nhận một môn thể thao mới tại Việt Nam.

Thông qua phương pháp thực nghiệm, bao gồm khảo sát và phân tích dữ liệu, nghiên cứu này sẽ cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách thức và lý do tại sao người dân Việt Nam từ các tầng lớp khác nhau chọn tham gia hoặc không tham gia vào môn thể thao này. Kết quả của nghiên cứu sẽ góp phần vào lý thuyết về thể thao mới nổi và thực tiễn trong việc phát triển thể thao tại Việt Nam, đồng thời cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý thể thao và các tổ chức liên quan để thúc đẩy sự phát triển của Pickleball và các môn thể thao mới mẻ khác.

2. Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Pickleball, môn thể thao được phát minh tại Hoa Kỳ vào năm 1965 bởi Joel Pritchard, Bill Bell và Barney McCallum, kết hợp các yếu tố từ tennis, bóng bàn và cầu lông. Môn thể thao này được chơi trên sân nhỏ hơn sân tennis, sử dụng quả bóng nhựa nhẹ và vợt phẳng. Tại Việt Nam, sự phát triển của Pickleball được thể hiện qua các sự kiện được tổ chức như Giải Pickleball VTV8-La Queenara Cup tại Quảng Nam, đã đáng kể nâng cao nhận thức về môn thể thao này trong nước (Vietnam News, 2023). Sự phát triển này còn được hỗ trợ bởi việc xây dựng các cơ sở vật chất chuyên biệt và tổ chức các giải đấu thường xuyên, giúp cộng đồng người chơi mở rộng

và phát triển (Jiji Press, 2025). Qua đó, không chỉ tăng cường nhận thức về một môn thể thao mới mà còn khuyến khích lối sống năng động, khỏe mạnh trong cộng đồng ở mọi lứa tuổi tại Việt Nam.

Thuyết Hành vi dự định (Theory of Planned Behavior - TPB) là một mô hình tâm lý học được phát triển bởi Icek Ajzen nhằm giải thích và dự đoán hành vi con người trong các tình huống khác nhau thông qua ý định hành vi. TPB là sự mở rộng của Thuyết Hành vi hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA) mà Ajzen và Fishbein đã phát triển trước đó, bổ sung thêm thành phần cảm nhận về sự kiểm soát hành vi. Lý thuyết này bao gồm 5 biến chính: thái độ hành vi (BA), chuẩn mực chủ quan (SN), kiểm soát hành vi được nhận thức (PBC), ý định hành vi (BI) và hành vi thực tế (AB).

Thuyết Hành vi dự định (TPB) của Ajzen cũng được áp dụng trong lĩnh vực thể thao để nghiên cứu và phát triển các chiến lược nhằm thúc đẩy các hành vi thể thao tích cực. Trong nghiên cứu của Martin, Lamboglia, et al. (2012), TPB được sử dụng để phân tích cách thức thái độ cá nhân, ảnh hưởng xã hội và cảm nhận về sự kiểm soát cá nhân đối với hành vi tập luyện thể thao, từ đó đề xuất các biện pháp can thiệp hiệu quả nhằm cải thiện sức khỏe cộng đồng thông qua thể thao.

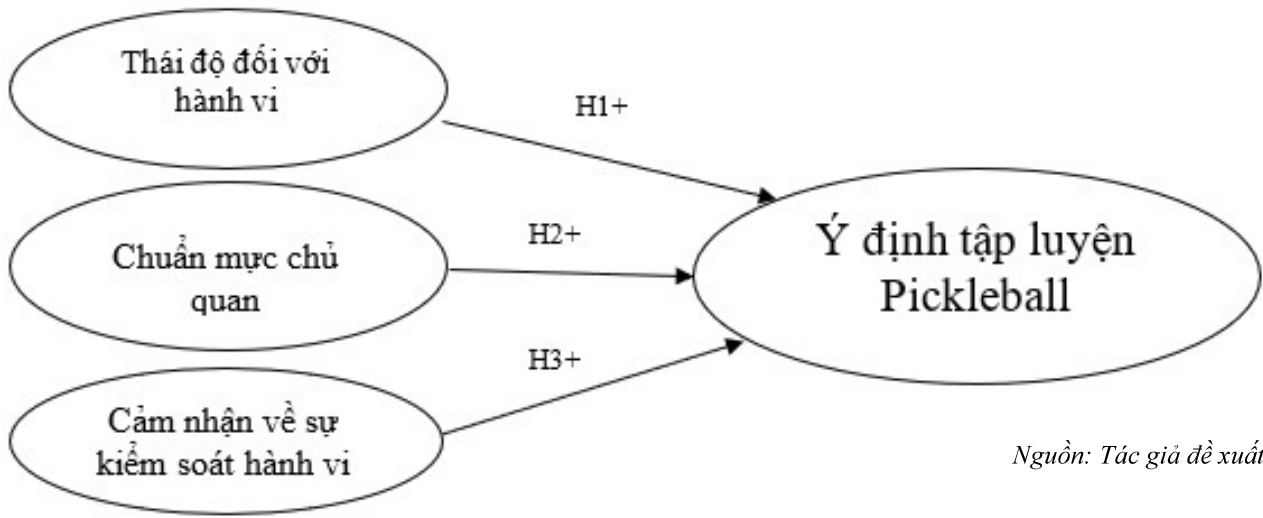
2.2. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Thái độ đối với hành vi (Attitude toward the behavior) là một yếu tố trung tâm trong Thuyết Hành vi dự định (TPB) và đóng vai trò quan trọng trong việc dự đoán ý định tham gia các hoạt động thể chất và thể thao. Theo Ajzen (1991), thái độ phản ánh mức độ tích cực hay tiêu cực của cá nhân đối với hành vi, được hình thành từ niềm tin về kết quả của hành vi đó. Trong lĩnh vực thể thao, nhiều nghiên cứu đã chứng minh, thái độ tích cực có ảnh hưởng đáng kể đến ý định tham gia hoạt động thể thao.

Chuẩn mực chủ quan (Subjective norm) trong Thuyết Hành vi dự định (TPB) đề cập đến áp lực xã hội mà cá nhân cảm nhận được từ những người xung quanh (gia đình, bạn bè, thầy cô...), ảnh hưởng đến ý định thực hiện một hành vi. Nếu cá nhân tin rằng người khác mong đợi họ tham gia hoạt động thể thao, họ sẽ có xu hướng thực hiện hành vi đó nhiều hơn (Ajzen, 1991). Trong lĩnh vực thể thao, nhiều nghiên cứu đã chứng minh vai trò quan trọng của chuẩn mực xã hội.

Cảm nhận về sự kiểm soát hành vi (Perceived Behavioral Control - PBC) là thành phần thứ ba trong Thuyết Hành vi Dự định (TPB), phản ánh mức

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Tác giả đề xuất

độ mà cá nhân tin rằng họ có thể dễ dàng hay khó khăn trong việc thực hiện một hành vi nào đó. Yếu tố này chịu ảnh hưởng bởi cả kinh nghiệm cá nhân và những trở ngại hay nguồn lực mà người đó nhận thức được (Ajzen, 1991). Trong lĩnh vực thể thao, PBC có ảnh hưởng mạnh đến cả ý định và hành vi thực tế.

- Các giả thuyết bao gồm:
- H1: Thái độ đối với hành vi có tác động cùng chiều đến Ý định tập luyện Pickleball
 - H2: Chuẩn mực chủ quan tác động cùng chiều đối với Ý định tập luyện Pickleball
 - H3: Cảm nhận về sự kiểm soát hành vi tác động cùng chiều đến với Ý định tập luyện Pickleball

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp phân tích định lượng. Bảng khảo sát được gửi đến những người chơi Pickleball thông qua Google Forms trong khoảng thời gian từ ngày 14/01/2026 đến ngày 28/02/2026. Tổng cộng có 265 bảng trả lời hợp lệ được thu thập, nhập liệu và phân tích. Dữ liệu thu thập được đánh giá độ tin cậy bằng Cronbach’s Alpha, tiếp theo là phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy đa biến, với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê SPSS 20.0.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả đánh giá kiểm tra độ tin cậy thang đo Cronbach alpha và phân tích nhân tố khám phá, các

Bảng 1. Kết quả thống kê tần số

Biến	Tiêu chuẩn phân loại	Số lượng mẫu	Phần trăm %	Tỷ lệ tích lũy %
Giới tính	Nam	121	45.7	45.7
	Nữ	144	54.3	100
Tuổi	20-30	50	18.9	18.9
	31- 40 tuổi	158	59.6	78.5
	41 - 50 tuổi	45	17	95.5
	51 - 60 tuổi	12	4.5	100
Thâm niên tập luyện	Dưới 6 tháng	30	11.3	11.3
	Từ 6 đến 12 tháng	149	56.2	67.5
	Trên 1 năm	86	32.5	100

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

Bảng 2. Kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha

STT	Các yếu tố	Mã hoá	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha
1	Thái độ đối với hành vi	TD	5	0.833
2	Chuẩn mực chủ quan	CMCQ	4	0.843
3	Cảm nhận về sự kiểm soát hành vi	KSHV	4	0.831
4	Ý định tập luyện Pickleball	YDTL	6	0.883

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

Bảng 3. Chỉ số thống kê theo phân tích mô hình hồi quy đa biến

Biến độc lập	Beta chưa chuẩn hóa	Beta chuẩn hóa	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
				Tolerance	VIF
(Constant)	0.743		0.000		
TD	0.383	0.436	0.000	0.958	1.043
CMCQ	0.207	0.239	0.000	0.810	1.234
KSHV	0.222	0.257	0.000	0.822	1.217
R ² Hiệu chỉnh: 0,430					
Mức ý nghĩa (Sig. của ANOVA): 0,000					
Durbin-Watson: 1.805					

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

thang đo đều đạt độ tin cậy, giá trị phân biệt và tính đơn hướng.

Như vậy, phương trình hồi quy đa biến cho biến phụ thuộc Ý định tập luyện Pickleball (YDTL) của khách hàng được viết lại như sau:

$$YDTL = 0.436 * TD + 0.257 * KSHV + 0.239 * CMCQ.$$

5. Kết luận và hàm ý quản trị

5.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, tất cả các biến Thái độ đối với hành vi (TD), Cảm nhận về sự kiểm soát hành vi (KSHV), Chuẩn mực chủ quan (CMCQ) đều có ảnh hưởng đáng kể đến Ý định tập luyện Pickleball. Trong số đó, "Thái độ đối với hành vi" có ảnh hưởng mạnh nhất, tiếp đến là "Cảm nhận về sự

kiểm soát hành vi" và "Chuẩn mực chủ quan". Các chỉ số độ tin cậy cao và không có hiện tượng đa cộng tuyến, cùng với một mô hình hồi quy phù hợp, khẳng định tính chính xác và độ tin cậy nghiên cứu.

5.2. Hàm ý quản trị

Tăng cường thái độ tích cực đối với Pickleball

Để thúc đẩy thái độ tích cực đối với môn Pickleball, các chiến lược quản lý hiệu quả có thể được triển khai bao gồm việc tổ chức các sự kiện và giải đấu, cùng với việc phát động các chiến dịch truyền thông. Việc tổ chức thường xuyên các giải đấu cộng đồng và hội thảo không chỉ giúp tăng cường sự tham gia và tạo ra môi trường xã hội hóa mà còn khuyến khích sự thích thú và niềm vui khi chơi Pickleball, từ đó củng cố thái độ tích cực của người chơi đối với môn thể thao này.

Cải thiện kiểm soát hành vi nhận thức

Để cải thiện kiểm soát hành vi nhận thức liên quan đến việc chơi Pickleball, việc triển khai các chiến lược quản lý tập trung vào cơ sở vật chất và hỗ trợ kỹ thuật là cần thiết. Đảm bảo người chơi có quyền tiếp cận với các cơ sở vật chất hiện đại, trang thiết bị và các dụng cụ dễ dàng sử dụng sẽ giúp làm giảm những rào cản về mặt vật chất, cho phép mọi người cảm thấy thoải mái và dễ dàng hơn khi tham gia vào môn thể thao này.

Khai thác chuẩn mực chủ quan

Để khai thác và củng cố chuẩn mực chủ quan trong cộng đồng Pickleball, việc xây dựng và hỗ trợ các nhóm cộng đồng chơi Pickleball là hết sức quan

trọng. Các nhóm này tạo điều kiện cho mọi người gặp gỡ, chia sẻ kinh nghiệm và khuyến khích lẫn nhau, từ đó nâng cao nhận thức và thúc đẩy sự tham gia tích cực vào môn thể thao này.

Mặc dù có những đóng góp nhất định trong việc thúc đẩy Ý định tập luyện Pickleball, tuy nhiên nghiên cứu cũng có những hạn chế nhất định. Hạn chế thứ nhất là phương pháp thu thập dữ liệu nghiên cứu sử dụng là phương pháp thuận tiện. Hạn chế thứ hai là các yếu tố nghiên cứu chỉ tập trung vào ba nhân tố. Vì vậy, nghiên cứu tiếp theo cần thực hiện theo phương pháp thu thập dữ liệu khác có độ tin cậy cao hơn đồng thời cần mở rộng các yếu tố ảnh hưởng khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211.
- Ajzen, I., & Fishbein, M. (1980). *Understanding attitudes and predicting social behavior*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.
- Bandura, A. (1997). *Self-efficacy: The exercise of control*. New York, NY: W.H. Freeman.
- Chen, A., & Liu, Y. (2008). An integrative analysis of the effects of physical education on students' physical activity participation. *Journal of Sport Behavior*, 31(3), 290-310.
- Courneya, K. S., & Hellsten, L. A. M. (1998). Personality correlates of exercise behavior, motives, barriers and preferences: An application of the five-factor model. *Personality and Individual Differences*, 24(5), 625-633.
- Courneya, K. S., & McAuley, E. (1995). Cognitive mediators of the social influence-exercise adherence relationship: A test of the theory of planned behavior. *Journal of Behavioral Medicine*, 18(5), 499-515.
- Deci, E. L., & Ryan, R. M. (1985). *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*. New York: Plenum Press.
- JJI Press. (2025). Vietnam's sports infrastructure development fosters emerging sports like Pickleball. Retrieved from [Insert URL here].
- Lee, et al. (2023). The impact of attitudes towards sports on physical activity levels among university students in South Korea. *Korean Journal of Physical Education*, 62(1), 45-59.
- Martin, Lamboglia, et al. (2012). A study on the application of the Theory of Planned Behavior to understand exercise behavior. *International Journal of Sports Psychology*, 43(3), 207-222.
- McAuley, E., & Tammen, V. V. (1989). The effects of subjective and objective competitive outcomes on intrinsic motivation. *Journal of Sport and Exercise Psychology*, 11(1), 84-93.
- Prochaska, J. O., & Velicer, W. F. (1997). The transtheoretical model of health behavior change. *American Journal of Health Promotion*, 12(1), 38-48.
- Q&Me. (2021). Sports behavior survey in Vietnam. Retrieved from [Insert URL here]
- Rhodes, R. E., & de Bruijn, G. J. (2013). How big is the physical activity intention-behavior gap? A meta-analysis using the action control framework. *British Journal of Health Psychology*, 18(2), 296-309.
- Rodgers, W. M., & Brawley, L. R. (1996). The influence of perceived control over behavior on adherence to an exercise program. *Health Psychology*, 15(3), 225-230.